

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I môn Công nghệ lớp 12- Định hướng nông nghiệp

MÔN: CÔNG NGHỆ 12 – CÔNG NGHỆ LÂM NGHIỆP-THỦY SẢN THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức			Mức độ nhận thức						Tổng			% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Giới thiệu chung về lâm nghiệp	1.1. Vai trò, triển vọng của lâm nghiệp.	3	2,25	2	3,0					5	0	5,25	12,5
		1.2. Suy thoái tài nguyên rừng và biện pháp khắc phục.	2	1,5	1	1,5					3	0	3,0	7,5
		1.3. Đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp và những yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong lâm nghiệp.	2	1,5	1	1,5					3	0	3,0	7,5
	Trồng và chăm	2.1. Vai trò, nhiệm vụ của việc trồng và chăm sóc rừng.	2	1,5	2	3,0					4	0	4,5	10,0

2	sóc rừng	2.2. Quy luật sinh trưởng, phát triển của cây rừng.	3	2,25	2	3,0					5	0	5,25	12,5
		2.3. Thời vụ, kĩ thuật trồng, chăm sóc rừng.	1	0,75	1	1,5	1	10,0			3	0	12,25	25,0
3	Bảo vệ và khai thác rừng bền vững	3.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ của việc bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững.	2	1,5	2	3,0					4	0	4,5	10,0
		3.2 Một số biện pháp bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng phổ biến.	1	0,75	1	1,5	1	5,0			3	0	7,25	15,0
Tổng			16	12	12	18	2	15			30	0	45	100
Tỉ lệ (%)			40		30		30		0					
Tỉ lệ chung %)			70				0							

Lưu ý: Các câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng hoặc câu hỏi đúng - sai.

- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi trắc nghiệm đúng - sai.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

- Trong mỗi đơn vị kiến thức chỉ nên ra một câu mức độ vận dụng hoặc mức độ vận dụng cao.

Đặc tả đề kiểm tra

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I môn Công nghệ lớp 12- Định hướng nông nghiệp

MÔN: CÔNG NGHỆ 12– CÔNG NGHỆ LÂM NGHIỆP – THỦY SẢN THỜI IAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giới thiệu chung về lâm nghiệp	1.1. Vai trò, triển vọng của lâm nghiệp.	Nhận biết: - Nêu được khái niệm về lâm nghiệp. - Kể tên được các hoạt động lâm nghiệp cơ bản. - Trình bày được vai trò của lâm nghiệp đối với đời sống con người, môi trường và nền kinh tế. - Trình bày được triển vọng của lâm nghiệp trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Thông hiểu: - Phân tích được vai trò của lâm nghiệp đối với đời sống con người, môi trường và nền kinh tế. - Trình bày được vai trò của lâm nghiệp đối với gia đình, địa phương.	3	2		
		1.2 Suy thoái tài nguyên rừng và biện pháp khắc phục.	Nhận biết: - Nêu được khái niệm suy thoái tài nguyên rừng. - Nêu được tác hại của suy thoái tài nguyên rừng. - Nêu được các nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng.	2	1		

			- Nêu được một số biện pháp khắc phục suy thoái tài nguyên rừng. Thông hiểu: - Phân tích được các nguyên nhân chủ yếu làm suy thoái tài nguyên rừng. - Phân tích được tác hại của suy thoái tài nguyên rừng. - Phân tích được một số biện pháp khắc phục suy thoái tài nguyên rừng. Vận dụng: - Đề xuất được một số việc nên làm và không nên làm để hạn chế suy thoái tài nguyên rừng phù hợp với thực tiễn của địa phương.				
		1.3. Đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp và những yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong lâm nghiệp.	Nhận biết: - Nêu được những đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp. - Nêu được những yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong lâm nghiệp. Thông hiểu: - Phân tích được những đặc trưng cơ bản của sản xuất lâm nghiệp. - Phân tích được những yêu cầu cơ bản với người lao động của một số ngành nghề phổ biến trong lâm nghiệp. Vận dụng: - Đánh giá được sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề phổ biến trong lâm nghiệp.	2	1		
2	Trồng và chăm sóc rừng	2.1. Vai trò, nhiệm vụ của	Nhận biết: - Trình bày được vai trò và nhiệm vụ của trồng rừng. - Trình bày được vai trò và nhiệm vụ của chăm sóc rừng.	2	2		

		việc trồng và chăm sóc rừng.	Thông hiểu: - Giải thích được vai trò và nhiệm vụ của trồng rừng. - Giải thích được vai trò và nhiệm vụ của chăm sóc rừng. Phân tích được mối quan hệ giữa trồng và chăm sóc rừng.				
		2.2. Quy luật sinh trưởng, phát triển của cây rừng.	Nhận biết: - Trình bày được các giai đoạn sinh trưởng của cây rừng. - Trình được quy luật phát triển của cây rừng. - Nêu được ý nghĩa của việc xác định các giai đoạn sinh trưởng của cây rừng. - Nêu được ý nghĩa của việc xác định quy luật phát triển của cây rừng. Thông hiểu: - Phân tích được các giai đoạn sinh trưởng của cây rừng. - Phân tích được quy luật phát triển của cây rừng. - Phân biệt được quá trình sinh trưởng và phát triển của cây rừng. - Giải thích được ý nghĩa của việc xác định các giai đoạn sinh trưởng của cây rừng. - Giải thích được ý nghĩa của việc xác định quy luật phát triển của cây rừng. Vận dụng - Vận dụng được quy luật sinh trưởng, phát triển của cây rừng vào thực tiễn trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ở địa phương.	3	2		

		2.3. Thời vụ, kỹ thuật trồng, chăm sóc rừng.	Nhận biết: - Nêu được các thời vụ trồng rừng phổ biến ở nước ta. - Nêu được ý nghĩa của việc trồng rừng đúng thời vụ. - Nêu được các phương thức trồng rừng phổ biến ở nước ta. Kể tên được các công việc chủ yếu khi trồng rừng. - Kể tên được các công việc chăm sóc rừng. - Nêu được ưu và nhược điểm của các phương pháp trồng rừng phổ biến. Thông hiểu: - Giải thích được các thời vụ trồng rừng phổ biến ở nước ta. - Giải thích được ý nghĩa của việc trồng rừng đúng thời vụ. - So sánh được các phương thức trồng rừng phổ biến ở nước ta. - Tóm tắt được yêu cầu kỹ thuật của các biện pháp trồng rừng. - Tóm tắt được yêu cầu kỹ thuật của các biện pháp chăm sóc rừng. - Giải thích được ưu và nhược điểm của các biện pháp trồng rừng phổ biến. - Giải thích được ưu và nhược điểm của các biện pháp chăm sóc rừng phổ biến. - Giải thích được thực tiễn trồng và chăm sóc rừng ở địa phương. Vận dụng - Đánh giá được thực trạng trồng và chăm sóc rừng ở địa phương. - Đề xuất được mùa vụ trồng rừng phù hợp với thực tiễn của địa phương. Vận dụng cao	1	1	1	
--	--	---	--	---	---	---	--

			- Đề xuất được biện pháp trồng và chăm sóc rừng phù hợp với thực tiễn của địa phương.				
3	Bảo vệ và khai thác rừng bền vững	3.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ của việc bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững.	Nhận biết: - Trình bày được ý nghĩa của việc bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững. - Trình bày được nhiệm vụ của việc bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững. Thông hiểu: - Giải thích được ý nghĩa của việc bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững. - Phân tích được nhiệm vụ của việc bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững.	2	2		
		3.2 Một số biện pháp bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng phổ biến.	Nhận biết: - Nêu được một số biện pháp bảo vệ rừng phổ biến. - Nêu được một số biện pháp khai thác rừng phổ biến. - Nêu được ưu nhược điểm của các biện pháp bảo vệ phổ biến. - Nêu được ưu nhược điểm của các biện pháp khai thác phổ biến. Thông hiểu: - Tóm tắt được một số biện pháp bảo vệ rừng phổ biến. - Tóm tắt được một số biện pháp khai thác rừng phổ biến. - So sánh được ưu nhược điểm của các biện pháp bảo vệ phổ biến. - So sánh được ưu nhược điểm của các biện pháp khai thác phổ biến. Vận dụng	1	1	1	
			- Đánh giá được thực trạng bảo vệ và khai thác rừng ở địa phương.				

			Vận dụng cao - Đề xuất được biện pháp bảo vệ và khai thác rừng phù hợp với thực tiễn của địa phương.				
	Tổng số câu			16	12	2	0

Lưu ý: Các câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng hoặc câu hỏi đúng - sai.

- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi trắc nghiệm đúng - sai.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.
- Trong mỗi đơn vị kiến thức chỉ nên ra một câu mức độ vận dụng hoặc mức độ vận dụng cao.